

Số: **896** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **13** tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-ĐHV ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về chế độ học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ chính quy học tập trung tại Trường Đại học Vinh năm học 2020-2021;

Căn cứ vào hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội của sinh viên hệ chính quy và đề nghị của các viện, khoa đào tạo;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 8 /4/2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị và học sinh, sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội cho 228 sinh viên hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2020 - 2021 với số tiền: **177.360.000** đồng (Một trăm bảy bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên, Kế hoạch-Tài chính, Đào tạo, Hành chính tổng hợp; Trưởng các viện, các khoa đào tạo, các đơn vị có liên quan và các sinh viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *thư*

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 2;
 - Lưu: HCTH, CTCT-HSSV.
- thư*



thư

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

DANH SÁCH PHÁT TRỢ CẤP XÃ HỘI CHO SINH VIÊN
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: **896** /QĐ-ĐHV ngày **13** tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	1	1755231020100012	Moong Văn Bún	VĐBKK	Khơ mú	58B CTH	KHXHNV	140.000	4	560.000	187692718	0858593453	107868049144	Vietinbank
2	2	1755276010100019	Vi Thị Ngọc Châu	VĐBKK	Thái	58B CTXH	KHXHNV	140.000	4	560.000	187567941	1672677001	107867596019	Vietinbank
3	3	1755276010100012	Vi Quỳnh Giao	VĐBKK	Thái	58B CTXH	KHXHNV	140.000	4	560.000	187629856	1672083238	104867596012	Vietinbank
4	4	1755276010100002	Kha Thị Tầm	VĐBKK	Thái	58B CTXH	KHXHNV	140.000	4	560.000	187779678	0357153554	101867596002	Vietinbank
5	5	1755276010100018	Già Bá Súa	VĐBKK	H'Mông	58B CTXH	KHXHNV	140.000	4	560.000	187672446	0943673914	108867596018	Vietinbank
6	6	18577601010007	Đoàn Thị Thanh Thảo	CMC		59B CTXH	KHXHNV	100.000	6	600.000	184360974	0915587224	108869053440	Vietinbank
7	7	18577601010005	Lữ Thuý Kiều	VĐBKK	Thái	59B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187865444	0829438959	102869053433	Vietinbank
8	8	18577601010010	Hà Ý Nu	VĐBKK	H'Mông	59B CTXH	KHXHNV	140.000	6	840.000	187865869	0396826795	107869053438	Vietinbank
9	9	18573106300004	Đặng Tuấn Dũng	VĐBKK	Thái	59B1 Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187770062	01695132247	104869048091	Vietinbank
10	10	18573106300075	Vi Thị Hòa	VĐBKK	Thanh	59B2 Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187762149	01632493117	103869048135	Vietinbank
11	11	19573102050003	Và Ý Cỡ	VĐBKK	H'Mông	60B QLNN	KHXHNV	140.000	6	840.000	187866760	0343258501	104870924967	Vietinbank
12	12	19573106300047	Nguyễn Thị Đào	VĐBKK	Thổ	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187768333	0976563605	104870628445	Vietinbank
13	13	19573106300060	Nguyễn Hương Giang	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187841086	0971041147	103870628458	Vietinbank
14	14	19573106300006	Nguyễn Thị Hà	CMC		60B Du lịch	KHXHNV	100.000	6	600.000	184432429	0889804044	107870628402	Vietinbank
15	15	19573106300012	Vi Thị Ánh Linh	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187775743	0384945910	101870628408	Vietinbank
16	16	19573106300058	Lữ Tuấn Linh	VĐBKK	Thái	60B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	187770176	0971095046	105870628456	Vietinbank
17	17	205781010110025	Quang Thị Ái Du	VĐBKK	Thái	61B Du lịch	KHXHNV	140.000	6	840.000	188000046	0335245395	102872373551	Vietinbank
18	18	205732010110011	Nguyễn Đình Võ	CMC		61B Báo chí	KHXHNV	100.000	6	600.000	188030419	0522127559	109872373539	Vietinbank
19	1	205754010110007	Nguyễn Thị Kiều	VĐBKK	Thổ	61K CNTP	CNHS-MT	140.000	6	840.000	187959571	0373941965	103872514521	Vietinbank
20	1	1755248020100003	Kha Đình Đạt	VĐBKK	Thái	58K2-CNTT	KT-CN	140.000	6	840.000	187670101	01235788475	107867592531	Vietinbank
21	2	18575103010045	Hà Văn Hưng	CMC	Kinh	59K- ĐIỆN ĐT	KT-CN	100.000	6	600.000	187832556	0888086536	108869192678	Vietinbank
22	3	19574802010068	Đặng Đình Phùng	VĐBKK	Thái	60K1-CNTT	KT-CN	140.000	6	840.000	187777689	0954375456	107870845591	Vietinbank
23	4	19574802010075	Vi Văn Nam	VĐBKK	Thái	60K2-CNTT	KT-CN	140.000	6	840.000	187902602	0843040865	101870845749	Vietinbank
24	5	19574802010094	Vi Văn Khải	VĐBKK	Thái	60K2-CNTT	KT-CN	140.000	6	840.000	187902582	0868715972	105870845609	Vietinbank
25	6	205748020110062	Nguyễn Quốc Bảo	Tàn tật	Kinh	61K- CNTT	KT&CN	100.000	6	600.000	187965689	0934597514	105872383511	Vietinbank
26	7	205798020110086	Lô Thị Trúc	VĐBKK	Thái	61K4-CNTT	KT&CN	140.000	6	840.000	187958248	0328347899	101872383554	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
27	1	1755238010100236	Thào A Lênh	VĐBKK	H'Mông	58B1-Luật	Luật	140.000	4	560.000	042582862	0359626631	104867562622	Vietinbank
28	2	185523801015001	Vừ A Chung	VĐBKK	Mông	58B3-Luật	Luật	140.000	4	560.000	040901647	0358075966	102870919878	Vietinbank
29	3	1755238010100047	Hoàng Văn Trọng	VĐBKK	Tày	58B5-Luật	Luật	140.000	4	560.000	85043826	1644127469	100867590009	Vietinbank
30	4	1755238010100217	Lò Văn Tư	VĐBKK	Thái	58B5-Luật	Luật	140.000	4	560.000	51009708	1693770443	105867589983	Vietinbank
31	5	1755238010100098	Cụt Thị Vân	VĐBKK	Khơ Mú	58B5-Luật	Luật	140.000	4	560.000	187781333	969193980	109867590013	Vietinbank
32	6	18573801010072	Vừ Thị Thu Trang	VĐBKK	H'Mông	59B1-Luật	Luật	140.000	6	840.000	187712543	0374156228	103869107652	Vietinbank
33	7	18573801010010	Vi Thị Hằng Nga	VĐBKK	Thái	59B2-Luật	Luật	140.000	6	840.000	187557610	0968553607	109869107725	Vietinbank
34	8	18573801070104	Lò Văn Kiên	VĐBKK	Thái	59B1 Luật KT	Luật	140.000	6	840.000	040901674	0943187842	102869107707	Vietinbank
35	9	18573801070105	Vi Thị Trinh	VĐBKK	Thái	59B2 Luật KT	Luật	140.000	6	840.000	187710205	1699137735	106869107794	Vietinbank
36	10	19573801070068	Moong Văn Hải	VĐBKK	Khơ Mú	60B Luật KT	Luật	140.000	6	840.000	187865556	0827209327	106870743982	Vietinbank
37	11	19573801070037	Lữ Thị Hồng Diệp	VĐBKK	Thái	60B Luật KT	Luật	140.000	6	840.000	187780444	0397825975	100870743976	Vietinbank
38	12	205738010710011	Sầm Minh An	Con mồ côi cả cha và mẹ		61B Luật KT	Luật	100.000	6	600.000	187834567	0386600887	104872464512	Vietinbank
39	13	205738010710061	Trần Thị Thảo	Con mồ côi cả cha và mẹ		61B Luật KT	Luật	100.000	6	600.000	184460715	0868892473	109872537699	Vietinbank
40	1	1755214020510004	Lương Yến Nhi	VĐBKK	Thái	58A- GDC.Tri	SP XH	140.000	4	560.000	187670137	01666640233	109867743691	Vietinbank
41	2	19571402170007	Lê Thị Khánh Linh	VĐBKK	Thái	60A- SP Văn	SP XH	140.000	6	840.000	187975280	0865364601	104870814931	Vietinbank
42	3	19571402190006	Lương Thị Bích Nguyệt	VĐBKK	Thái	60A- SP Địa	SP XH	140.000	6	840.000	187695129	0855858411	101870814959	Vietinbank
43	4	19571402180003	Vang Thị Kim Yến	VĐBKK	Thái	60A- SP Sử	SP XH	140.000	6	840.000	187712137	0363405250	101870814910	Vietinbank
44	5	19571402190006	Vi Thái San	VĐBKK	Thái	60A- SP Địa	SP XH	140.000	6	840.000	187838547	0914486822	102870814960	Vietinbank
45	6	1755214021910008	Vi Thị Phương	VĐBKK	Thái	58A SP Địa	SP XH	140.000	6	840.000	187672217	0349 089549	100867606594	Vietinbank
46	7	205714021710032	Cầm Thị Ly	VĐBKK	Thái	61A2 SP Văn	SP XH	140.000	6	840.000	038302005164	0916795978	101872460846	Vietinbank
47	8	205714021710073	Đậu Thị Lan Anh	VĐBKK	Thái	61A2 SP Văn	SP XH	140.000	6	840.000	187975812	0389381575	106872460841	Vietinbank
48	9	205714021910009	Lô Thị Nhi	VĐBKK	Thái	61A Địa	SP XH	140.000	6	840.000	187932821	0822083189	105872460784	Vietinbank
49	10	19571402170018	Vi Thị Thu Sương	VĐBKK	Thái	60A Địa	SP XH	140.000	6	840.000	187832059	0338710514	106870814939	Vietinbank
50	1	1755214020910078	Lô Tiến Anh	VĐBKK	Thái	58A1 SPToán	SPTN	140.000	4	560.000	187773767	0856543756	107867628096	Vietinbank
51	2	1755214020910020	Vi Thị Minh Thư	VĐBKK	Thái	58A1 SPToán	SPTN	140.000	4	560.000	187712171	0828799150	103867628036	Vietinbank
52	3	1755214020910002	Lạng Văn Lưu	VĐBKK	Thái	58A2 SPToán	SPTN	140.000	4	560.000	187507048	0962533319	109867628016	Vietinbank
53	4	1755214020910009	Lữ Thanh Huyền	VĐBKK	Thái	58A2 SPToán	SPTN	140.000	4	560.000	187687324	0827851254	103867628024	Vietinbank
54	5	19571402090026	Lương Quốc Anh	VĐBKK	Thái	60A SP Toán	SPTN	140.000	6	840.000	187775961	0368537862	107870607787	Vietinbank
55	6	19571402090035	Lô Nguyễn Tân	VĐBKK	Thái	60A SP Toán	SPTN	140.000	6	840.000	187695619	0944280863	103870607793	Vietinbank
56	7	205714020910129	Lương Thị Chung	VĐBKK	Thái	61A SP Toán	SPTN	140.000	6	840.000	187834164	0374970529	102871221803	Vietinbank
57	1	1755222020100018	Nguyễn Thị Uyên	CMC	Kinh	58B1- SPA	SP N.Ngữ	100.000	4	400.000	184334084	0354517928	102867611512	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
58	2	18571402311043	Lữ Thị Thu Hà	VĐBKK	Thái	59A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187836879	0824000806	102869192622	Vietinbank
59	3	18571402311025	Võ Thị Minh Châu	VĐBKK	Thái	59A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187841098	0399059062	108869192614	Vietinbank
60	4	18571402311004	Nguyễn Thị Việt Hà	VĐBKK	Thái	59A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187833105	0986228249	104869192620	Vietinbank
61	5	18572202010196	Lê Thị Dung	CMC	Kinh	59B3-NNA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	187697396	0964887621	102869108133	Vietinbank
62	6	1755214023110071	Lô Thị Phương	VĐBKK	Thái	58A1-SPA	SP N.Ngữ	140.000	4	560.000	187663012	0333760415	108867611377	Vietinbank
63	7	19572202010282	Hà Như Ý	VĐBKK	Thái	60B4-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187834259	0865357523	106870698303	Vietinbank
64	8	19572202010247	Lang Thị Thảo Chi	VĐBKK	Thổ	60B4-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187880236	0845336997	105870698261	Vietinbank
65	9	19571402310042	Kha Ngọc Nhung	VĐBKK	Thái	60A1-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187712317	0886493640	109870698012	Vietinbank
66	10	19572202010080	Nguyễn Thị Thảo Anh	CMC	Kinh	60B2-NNA	SP N.Ngữ	100.000	6	600.000	186896036	0949876408	107870698148	Vietinbank
67	11	19572202010075	Quang Thị Hà Mây	VĐBKK	Thái	60B1-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187931762	0966175101	109870698119	Vietinbank
68	12	19572202010022	Nguyễn Thị Thương	VĐBKK	Thái	60B1-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187712544	0843253999	103870698127	Vietinbank
69	13	1755222020100184	Trần Thị Thanh Hoài	CMC	Kinh	58B4-NNA	SP N.Ngữ	100.000	4	400.000	187842166	0399860296	100867611650	Vietinbank
70	14	18572202010036	Lô Thị Hà	VĐBKK	Thái	59B2-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187841224	0854580567	102869108088	Vietinbank
71	15	205714023110176	Cầm Thị Hoa	VĐBKK	Thái	61A-SPA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	038302005757	0967078194	109872468525	Vietinbank
72	16	205714023110124	Lê Thanh Trúc	VĐBKK	Thổ	61A2-SPTA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187973536	0378754881	106872468503	Vietinbank
73	17	19572202010142	Lương Thị Nguyệt	VĐBKK	Thái	60B4-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187833966	0338212432	102870698289	Vietinbank
74	18	205714023110112	Trương Thị Kim Oanh	VĐBKK	Thái	61A3-NNA	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187668427	0375417987	108872468541	Vietinbank
75	19	205722020110056	Lữ Thị Ngọc Linh	VĐBKK	Thái	61B2-NN A	SP N.Ngữ	140.000	6	840.000	187902431	0949646269	105872490439	Vietinbank
76	1	1755258020800080	Đặng Đăng Hoàng	CMC	Kinh	58K2 XD	Xây dựng	100.000	6	600.000	187759664	0976607527	104867628388	Vietinbank
77	2	19575802050009	Vi Văn Phúc	VĐBKK	Thái	60K2 CTGT	Xây dựng	140.000	6	840.000	187772202	0822087457	107870924964	Vietinbank
78	3	205758020110046	Vừ Sỹ Công	VĐBKK	H'Mông	61KTXD	Xây dựng	140.000	6	840.000	187997077	0373146213	10786908951	Vietinbank
79	1	18571402061007	Lương Thế Long	VĐBKK	Thái	59AGDTC	GDTC	140.000	6	840.000	187832675	0353666477	108869089823	Vietinbank
80	2	205714020610019	Lộc Văn An	VĐBKK	Thái	61A-GDTC	GDTC	140.000	6	840.000	38202019266	0367783032	102872427209	Vietinbank
81	1	1755262011500002	Xông Bá Chải	VĐBKK	H'Mông	58B1 Kinh tế	Kinh tế	140.000	4	560.000	187692923	0375238326	105867555040	Vietinbank
82	2	1755234030100356	Đào Thị Kim Ngân	CMC	Kinh	58B6 Kế toán	Kinh tế	100.000	4	400.000	184322891	0352816613	103867569504	Vietinbank
83	3	205734030110047	Lê Thị Thùy Trang	VĐBKK	Thổ	61B3 Kế toán	Kinh tế	140.000	6	840.000	187959463	0329453117	109872437804	Vietinbank
84	4	18573403010214	Lang Thị Tiên	VĐBKK	Thái	59B1 Kế toán	Kinh tế	140.000	6	840.000	187832815	0348832801	107869241254	Vietinbank
85	5	18573403010019	Lê Thị Khánh Huyền	VĐBKK	Thổ	59B7 Kế toán	Kinh tế	140.000	6	840.000	187769264	0868342147	103869205279	Vietinbank
86	1	1755214020210030	Bùi Thế Bình	VĐBKK	Mường	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	174847955	1699999316	102867694641	Vietinbank
87	2	1755214020210106	Vi Thị Thanh Hằng	VĐBKK	Thái	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187666357	914437072	104867694651	Vietinbank
88	3	165TDV600036	Vi Thị Hiền	VĐBKK	Thái	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187770141	364463399	101003762951	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
89	4	1755214020110124	Hà Thùy Linh	VĐBKK	Thái	58A1 GDMN	Giáo dục	140.000	4	560.000	187773713	1642289637	107867694590	Vietinbank
90	5	1755214020110117	Lô Thị Lan	VĐBKK	Thái	58A1 GDMN	Giáo dục	140.000	4	560.000	187773652	375768536	108867694587	Vietinbank
91	6	1755214020110079	Vi Thị Huyền	VĐBKK	Thái	58A2 GDMN	Giáo dục	140.000	4	560.000	187762360	973420744	101867694787	Vietinbank
92	7	1755214020110072	Kha Hương Trà	VĐBKK	Thái	58A2 GDMN	Giáo dục	140.000	4	560.000	187771857	1686241867	107867694824	Vietinbank
93	8	1755214020210090	Nguyễn Thị Kỳ	CMC	Kinh	58A2 GDTH	Giáo dục	100.000	4	400.000	187822095	1684890083	102867694747	Vietinbank
94	9	1755214020210113	Vi Văn Đạt	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187641402	969139851	101867694708	Vietinbank
95	10	1755214020210087	Hà Thị Lê Na	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187628114	1646677085	107867694754	Vietinbank
96	11	1755214020210047	Trương Thị Phương Nhi	VĐBKK	Thổ	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187666409	1677221199	104867694757	Vietinbank
97	12	1755214020210122	Lương Thị Phi Nhung	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187671294	984978177	109867694725	Vietinbank
98	13	1755214020210086	Lữ Thị Duyên	VĐBKK	Thái	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	175008706	1257473922	100867694709	Vietinbank
99	14	18571402011076	Vừ Y Đầu	VĐBKK	Mông	59A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187692773	1674419560	104869090121	Vietinbank
100	15	18571402011095	Lô Thị Mỹ Linh	VĐBKK	Thái	59A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187777929	989422124	104869090133	Vietinbank
101	16	18571402021132	Lữ Thị Yến	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187711027	1258668234	100869090222	Vietinbank
102	17	18571402021033	Vi Thị Thỉnh	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187832920	1656311317	101869090206	Vietinbank
103	18	18571402021134	Lô Thị Ngân	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187710617	822862500	100868760071	Vietinbank
104	19	18571402021026	Cầm Thị Linh	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187683738	1626550733	105869090184	Vietinbank
105	20	18571402021065	Lữ Thị Thu Hường	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187786951	966075924	108869090181	Vietinbank
106	21	18571402011027	Vi Thị Linh Chi	VĐBKK	Thái	59A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187770761	886516717	108869090005	Vietinbank
107	22	18571402021018	Kha Thị Ánh	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187772170	966092374	101869090066	Vietinbank
108	23	18571402021074	Lang Tuấn Công	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187685178	1253266282	109869090068	Vietinbank
109	24	18571402021010	Vi Thị Lê Na	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187643968	983413871	103869090091	Vietinbank
110	25	18571402011178	Hồ Thị Quỳnh	CMC	Kinh	59A3 GDMN	Giáo dục	100.000	6	600.000	187819633	859349869	105869089923	Vietinbank
111	26	18571402011173	Lô Thị Nương	VĐBKK	Thái	59A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187786092	1628639800	106869089922	Vietinbank
112	27	18571402011193	Lương Thị Hiền Dịu	VĐBKK	Thái	59A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712374	1659984008	102869100853	Vietinbank
113	28	18571402021007	Nguyễn Thu Hà	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187832051	917757579	102869089953	Vietinbank
114	29	18571402021109	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666328	971842511	107003796224	Vietinbank
115	30	18571402021159	Lương Thị Thu Phương	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187710284	1645923054	104869089976	Vietinbank
116	31	18571402021179	Quang Anh Tuấn	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187930989	1666687985	106869089998	Vietinbank
117	32	18571402021148	Lô Thị Hồng Tuyền	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187775770	1687192667	104869089990	Vietinbank
118	33	18571402021185	Lữ Thị Tiểu Yến	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187832331	1632838778	108869089996	Vietinbank
119	34	19571402020022	Vi Thị Hằng	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187840678	0362447720	106870785567	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền d/tháng	Số tháng	Số tiền d/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
120	35	19571402020007	Lữ Thị Mì Na	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931424	0326903472	109870785589	Vietinbank
121	36	19571402020017	Lương Thị Phương Thảo	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931364	0367132910	106870785600	Vietinbank
122	37	19571402020045	Kha Thị Quỳnh Chi	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187711085	0856859030	100870785621	Vietinbank
123	38	19571402020023	Vi Thị Kim Dung	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187773901	0359746433	100003796246	Vietinbank
124	39	19571402020019	Lô Thị Hằng	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666434	0334915982	107003796127	Vietinbank
125	40	19571402020221	Lang Thị Phương Nam	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712126	0705473862	108870785650	Vietinbank
126	41	19571402020027	Lương Thị Quỳnh Như	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187887060	84369261373	100870785658	Vietinbank
127	42	19571402020021	Trần Út Thêm	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834252	0373129800	106870785664	Vietinbank
128	43	19571402020121	Lương Thị Trâm	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712081	0919685384	101870785672	Vietinbank
129	44	19571402020103	Hà Cẩm Vi	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834556	0365143445	104870785679	Vietinbank
130	45	19571402020208	Lô Thị Huyền	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187867310	0343381394	101870785701	Vietinbank
131	46	19571402020195	Lô Thị Linh Nhi	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187777939	0989422124	103870785712	Vietinbank
132	47	19571402020138	Đặng Thị Diệp Quỳnh	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712299	0978121665	109870785716	Vietinbank
133	48	19571402020124	Lô Thị Thu Thảo	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931422	0328668129	103870785724	Vietinbank
134	49	19571402020101	Bùi Văn Trọng	VĐBKK	Mường	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	113718935	0845821228	102870785740	Vietinbank
135	50	19571402020187	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	VĐBKK	Thái	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834340	0326888117	103870785751	Vietinbank
136	51	19571402020254	Moong Thị Bình	VĐBKK	Khơ mú	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187838894	0862792265	106870924965	Vietinbank
137	52	19571402020247	Lý A Nhia	VĐBKK	H'Mông	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	38201016276	0364476114	101870785778	Vietinbank
138	53	19571402020193	Và Y Pà	VĐBKK	H'Mông	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187836978	0856445677	109870785782	Vietinbank
139	54	19571402010030	Sâm Thị Huệ Chi	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187785527	0343194346	109870785347	Vietinbank
140	55	19571402010143	Vi Thị Linh	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187959251	0947984020	100870785385	Vietinbank
141	56	19571402010105	Vi Thị Nhi	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187839210	0949797563	106870785391	Vietinbank
142	57	19571402010104	Vi Thị Bích Quỳnh	VĐBKK	Thái	60A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187760460	0941055218	104870785462	Vietinbank
143	58	19571402010067	Lương Lữ Hiệu Đan	VĐBKK	Thái	60A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187840961	0344787233	100870785427	Vietinbank
144	59	1755214020210100	Hoàng Thị Oanh	VĐBKK	Thổ	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187764314	01295437176	108867694726	Vietinbank
145	60	18571402021079	Lữ Thị Hoa	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187666375	0839411389	109869090180	Vietinbank
146	61	18571402021131	Lang Phương Thủy	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187774986	0944496056	108869089984	Vietinbank
147	62	18571402021049	Quang Thị Hồng	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187390012	0945675428	107869089960	Vietinbank
148	63	19571402010156	Lê Thị Tường	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187685735	0333396351	107870785418	Vietinbank
149	64	108870785375	Vi Thị Hạnh	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187768299		108870785375	Vietinbank
150	65	19571402020126	Vi Thị Phương Linh	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712322	0344392032	108870785580	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
151	66	19571402020049	Lương Kim Lệ	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187830195	0399986213	105870785641	Vietinbank
152	67	1755214020210050	Sầm Thị Hồng Linh	VĐBKK	Thái	58A1-GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187774887	01677633291	102867694665	Vietinbank
153	68	205714020210431	Thò Thị Y Hoa	VĐBKK	H Mông	61A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712702	948519259	102872477059	Vietinbank
154	69	205714020210055	Hà Thị Hải Yến	VĐBKK	Thái	61A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	038302006786	383588803	101872476828	Vietinbank
155	70	205714020210191	Vi Thị Bảo Nga	VĐBKK	Thái	61A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187667791	398595712	106872476862	Vietinbank
156	71	205714020210058	Đậu Thị Ana	VĐBKK	Thổ	61A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187901756	583715813	100872476831	Vietinbank
157	72	205714020210156	Lang Vy Quỳnh Như	VĐBKK	Thái	61A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187903988	348579502	109872476869	Vietinbank
158	73	205714020210212	Hà Thị Bạch Dương	VĐBKK	Thái	61A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187668021	818995156	102872476839	Vietinbank
159	74	205714020210178	Lang Khánh Ly	VĐBKK	Thái	61A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187932812	373436379	108872476858	Vietinbank
160	75	205714020210084	Vi Trung Đức	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187904140		108872476858	Vietinbank
161	76	205714020210132	Lương Thị Diệu Linh	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187841170	388454852	101872494032	Vietinbank
162	77	205714020210089	Lô Đại Phát	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187836439		103872494043	Vietinbank
163	78	205714020210080	Lữ Thùy Linh	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187903573	392622816	103872494030	Vietinbank
164	79	205714020210240	Lang Hà Thu Diệp	VĐBKK	Thái	60A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187990576	398090710	102872494017	Vietinbank
165	80	205714020210113	Kha Trần Linh Chi	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187667800	973359433	107872494012	Vietinbank
166	81	205714020210125	Vi Thị Linh Chi	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187772401	339635988	105872494014	Vietinbank
167	82	205714020210075	Nguyễn Thủy Nga	VĐBKK	Thổ	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187668429	866624185	106872494037	Vietinbank
168	83	205714020210119	Trương Thị Lan Anh	VĐBKK	Thổ	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187975865	364995483	108872494008	Vietinbank
169	84	205714020210200	Lương Thị Minh Tâm	VĐBKK	Thái	61A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834238	383385931	101872494045	Vietinbank
170	85	205714020210288	Vi Thị Vân	VĐBKK	Thái	61A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187771937	867400106	105872476946	Vietinbank
171	86	205714020210236	Vi Thị Tỷ	VĐBKK	Thái	61A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187771931	387070083	106872476945	Vietinbank
172	87	205714020210324	Lô Đại Từ	VĐBKK	Thái	61A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187904931	826853504	107872476944	Vietinbank
173	88	205714020210111	Lê Thị Linh	CMC	Kinh	61A4 GDTH	Giáo dục	100.000	6	600.000	184462638	337086865	107872476917	Vietinbank
174	89	205714020210077	Hà Thị Linh Chi	VĐBKK	Thái	61A5 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	038302015963		105872476958	Vietinbank
175	90	205714020210271	Lim Thị Phương Nhi	VĐBKK	Thái	61A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187835040	369781477	108872494099	Vietinbank
176	91	205714020210313	Vi Thị Kim Chi	VĐBKK	Thái	61A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187903547	353440260	103872494070	Vietinbank
177	92	205714020210309	Lữ Quỳnh Trang	VĐBKK	Thái	61A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187668027	394844103	104872494112	Vietinbank
178	93	205714020210281	Lô Thị Tú Anh	VĐBKK	Thái	61A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187835417	358800260	106872494064	Vietinbank
179	94	205714020210306	Lô Thị Giang	VĐBKK	Thái	61A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187835749	365796426	107872494076	Vietinbank
180	95	205714020210417	Ngân Thị Cúc	VĐBKK	Thái	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187838490	816394825	103872477019	Vietinbank
181	96	205714020210430	Vi Thị Khánh Linh	VĐBKK	Thái	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187771686	364074424	108872477065	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
182	97	205714020210406	Lữ Thị Thu Thủy	VĐBKK	Khơ mú	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187942711	3347092464	103872477073	Vietinbank
183	98	205714020210400	Lô Thị Thu Thủy	VĐBKK	Thái	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931873	985625282	100872477049	Vietinbank
184	99	205714020210398	Già Y Mái	VĐBKK	H Mông	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187836279	857282943	100872477036	Vietinbank
185	100	205714020110035	Hoàng Thị Dung	VĐBKK	Thái	61A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187932015	375270610	103872477622	Vietinbank
186	101	205714020110154	Và Y Dênh	VĐBKK	H Mông	61A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187836441	948393798	107872477790	Vietinbank
187	102	205714020110129	Lương Thị Vân Anh	VĐBKK	Thái	61A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187932930	384230946	103872477674	Vietinbank
188	103	205714020110163	Vi Thị Dung	VĐBKK	Thái	61A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187990236	393534123	103872477728	Vietinbank
189	104	205714011410008	Hà Thị Kim Anh	VĐBKK	Thái	61B1 QLGD	Giáo dục	140.000	6	840.000	187835709	968953578	104872493995	Vietinbank
190	105	205714020110081	Hà Thị Trang	VĐBKK	Thái	61A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	188000989	818244904	100872477719	Vietinbank
191	106	205714020210391	Ngân Thị Hồng Nương	VĐBKK	Thái	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	188000480	859296842	107872477039	Vietinbank
192	107	205714020210389	Vi An Ni	VĐBKK	Thái	61A5 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187835276	357704198	102872476988	Vietinbank
193	108	205714020210439	Quang Thị Mỹ Hảo	VĐBKK	Thái	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834153	376558574	107871215118	Vietinbank
194	109	205714020210440	Bùi Như Nguyệt	VĐBKK	Mường	61A7 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	038302010564	382401891	107872588244	Vietinbank
195	110	1755214020210058	Sầm Thị Nhung	VĐBKK	Thái	58A1 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187641903	392570892	106867694674	Vietinbank
196	111	1755214020110074	Hoàng Bé Thủy	VĐBKK	Thái	58A2 GDMN	Giáo dục	140.000	4	560.000	187785631	1654903726	109867694822	Vietinbank
197	112	1755214020210109	Trương Thị Thơm	VĐBKK	Thổ	58A2 GDTH	Giáo dục	140.000	4	560.000	187662359	1697271192	101867694735	Vietinbank
198	113	18571402021027	Vi Thị Thu Nga	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712138	965543687	108869090193	Vietinbank
199	114	18571402021023	Vi Long Nhật	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187642647	1656656537	105869090227	Vietinbank
200	115	18571402021094	Vi Thị Mai Sương	VĐBKK	Thái	59A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187671478	1294687006	105869090202	Vietinbank
201	116	18571402021011	Lô Thủy Nga	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187712118	1688897104	102869090092	Vietinbank
202	117	18571402021152	Hà Trọng Phúc	VĐBKK	Thái	59A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187831773	1662464112	108869090096	Vietinbank
203	118	18571402021170	Lô Văn Bằng	VĐBKK	Thái	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187567582	1637788109	109003779907	Vietinbank
204	119	18571402021059	Thò A Trinh	VĐBKK	Mông	59A3 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187629999	1628652434	103869089989	Vietinbank
205	120	18571402011077	Lương Thị Quỳnh	VĐBKK	Thái	59A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187770115	1292082824	107869090033	Vietinbank
206	121	18571402011058	Vi Thị Sang	VĐBKK	Thái	59A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187642124	981118546	104869089924	Vietinbank
207	122	19571402020116	Sầm Thị Bảo Yến	VĐBKK	Thái	60A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931474	399580630	105870785680	Vietinbank
208	123	19571402020252	Vi Thùy Vy	VĐBKK	Thái	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187770427	977963292	105870924966	Vietinbank
209	124	19571402020251	Hoàng Thị Nga	VĐBKK	Thái	60A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187785751	357550346	106870785773	Vietinbank
210	125	19571402010033	Lô Thị Phương	VĐBKK	Thái	60A1 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187771687	967410571	101870785396	Vietinbank
211	126	19571402010093	Lê Thị Diệu Linh	VĐBKK	Thái	60A2 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187834291	367170584	103870785449	Vietinbank
212	127	19571402010007	Nguyễn Thị Trà Giang	VĐBKK	Thái	60A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187841608	981290912	108870785431	Vietinbank

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Dân tộc	Lớp	Khoa, viện	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/Kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số Tài khoản	Thuộc ngân hàng
213	128	19571402010106	Lô Thị Lan Anh	VĐBKK	Thái	60A3 GDMN	Giáo dục	140.000	6	840.000	187839219	971623276	107870785484	Vietinbank
214	129	19571402020063	Trương Thị Quỳnh Trang	VĐBKK	Thái	60A1 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187839168	966136561	109870785610	Vietinbank
215	130	205714020210228	Hà Thị Thủy	VĐBKK	Thái	61A2 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931058	819677706	104872476877	Vietinbank
216	131	205714020210192	Vang Phương Đông	VĐBKK	Thái	61A4 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187833045	974228831	109872476902	Vietinbank
217	132	205714020210401	Trương Thị Ngân	VĐBKK	Thái	61A5 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	038302007347	357156377	104872476986	Vietinbank
218	133	205714020210229	Lô Thủy Linh	VĐBKK	Thái	61A6 GDTH	Giáo dục	140.000	6	840.000	187931003	358262119	108872494087	Vietinbank
219	1	1755262010500001	Trương Thị Phiên	VĐBKK	Thổ	58 Chăn nuôi	NN-TN	140.000	6	840.000	187643769	0853229670	106867606737	Viettinbank
220	2	1755262010200002	Lương Văn Mạnh	VĐBKK	Thái	58 Chăn nuôi	NN-TN	140.000	6	840.000	187671274	0944856127	104867606739	Viettinbank
221	3	1755262010900009	Vi Thị Bích	VĐBKK	Đan Lai	58 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187671468	0899457013	107867606749	Viettinbank
222	4	19576201090001	Lâu Y Dĩnh	VĐBKK	H'Mông	60 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187867219	0812790797	103870845829	Viettinbank
223	5	19576201090007	Lô Văn Đình	VĐBKK	H'Mông	60 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187940386	0855158184	101870845833	Vietinbank
224	6	19576201090004	Lương Thị Hoài Nam	VĐBKK	Thái	60 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187841622	0356927853	105870845827	Vietinbank
225	7	19576201090009	Vi Thị Thanh Thúy	VĐBKK	Thái	60 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187838984	0843156086	100870845834	Vietinbank
226	8	19578501010010	Thò Bá Giổng	VĐBKK	H'Mông	60 QLTN&MT	NN-TN	140.000	6	840.000	187830194	0919815651	101870845860	Vietinbank
227	9	19578501010002	Và Bá Thò	VĐBKK	H'Mông	60 QLTN&MT	NN-TN	140.000	6	840.000	187930713	0383944704	106870845841	Vietinbank
228	10	205762010910002	Xông Bá Tu	VĐBKK	H'Mông	61 Nông học	NN-TN	140.000	6	840.000	187868880	854215366	100872465581	Vietinbank

Ấn định danh sách gồm 228 sinh viên

31.280.000

177.360.000

(Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy bảy triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng)

TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV *th*

Q.TRƯỞNG PHÒNG KH - TC *+*

8

TS. Đặng Thị Thu

ThS. Đậu Đăng Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng